

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 41

112500
TỔNG T
NHIỆM HỮU
LOITTI
T NAM
- TP.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên
Ông Trịnh Hoàng Duy	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thành	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ok
Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



Số: *ML* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 6 đến 41. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

- Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ thông báo “Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ. Chi tiết của các vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Các khoản công nợ tiềm tàng. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		6.547.643.296.654	6.648.828.887.376
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	464.190.813.118	1.274.713.542.382
1. Tiền	111		240.516.197.295	423.255.473.863
2. Các khoản tương đương tiền	112		223.674.615.823	851.458.068.519
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	50.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.388.788.864.519	4.072.020.498.348
1. Phải thu khách hàng	131		1.940.594.388.057	1.771.812.513.448
2. Trả trước cho người bán	132		949.902.920.770	1.065.474.013.401
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.248.625.031.501	1.333.984.791.269
4. Các khoản phải thu khác	135		438.210.720.439	89.293.376.478
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(188.544.196.248)	(188.544.196.248)
IV. Hàng tồn kho	140	6	1.498.657.663.216	1.103.028.244.761
1. Hàng tồn kho	141		1.501.187.472.460	1.105.558.054.005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		196.005.955.801	149.066.601.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		179.670.956	211.522.110
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.706.852.806	7.859.889.984
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		65.288.813.205	46.930.259.423
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	92.830.618.834	94.064.930.368
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.975.239.127.784	10.957.351.099.812
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.168.259.578.563	4.829.091.418.683
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	8	5.168.259.578.563	4.829.091.418.683
II. Tài sản cố định	220		553.735.658.485	555.076.894.671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	179.957.985.556	185.782.094.601
- Nguyên giá	222		248.666.401.954	251.656.083.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.708.416.398)	(65.873.989.169)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	12.175.993.667	12.171.243.667
- Nguyên giá	228		12.228.452.000	12.222.452.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.458.333)	(51.208.333)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	361.601.679.262	357.123.556.403
III. Bất động sản đầu tư	240	12	441.861.300.366	457.767.262.400
- Nguyên giá	241		504.972.527.839	505.952.527.839
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(63.111.227.473)	(48.185.265.439)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	4.796.966.223.046	5.096.826.808.950
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.821.124.038.850	3.900.643.333.850
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.084.230.611.329	1.018.810.616.329
3. Đầu tư dài hạn khác	258		319.362.719.531	469.362.719.531
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(427.751.146.664)	(291.989.860.760)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.416.367.324	18.588.715.108
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.416.367.324	18.588.715.108
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		17.522.882.424.438	17.606.179.987.188

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011		31/12/2010	
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		12.836.073.651.067		13.054.577.542.255	
I. Nợ ngắn hạn	310		7.860.844.257.923		6.062.103.665.229	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	3.005.197.032.493		829.919.190.560	
2. Phải trả người bán	312		389.143.817.651		314.079.485.392	
3. Người mua trả tiền trước	313		3.299.756.010.682		3.164.410.322.878	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	101.876.508		133.217.487.221	
5. Phải trả người lao động	315		10.171.004.138		46.328.487.483	
6. Chi phí phải trả	316	17	137.025.875.171		305.439.474.952	
7. Phải trả nội bộ	317		233.479.557.881		511.034.171.038	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	769.126.599.363		744.477.871.155	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.842.484.036		13.197.174.550	
II. Nợ dài hạn	330		4.975.229.393.144		6.992.473.877.026	
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	4.734.584.233.323		6.744.253.167.590	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.305.462.897		1.368.984.733	
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		239.339.696.924		246.851.724.703	
B - NGUỒN VỐN (400 = 410+430)	400	20	4.686.808.773.371		4.551.602.444.933	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	4.273.405.114.154		4.081.867.566.864	
1. Vốn điều lệ	411		3.000.000.000.000		3.000.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		355.104.902.000		355.104.902.000	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		402.742.745		(1.300.636.941)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		295.752.292.131		295.752.292.131	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		63.565.269.013		63.565.269.013	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		558.579.908.265		368.745.740.661	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	20	413.403.659.217		469.734.878.069	
1. Nguồn kinh phí	432		413.403.659.217		469.734.878.069	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		17.522.882.424.438		17.606.179.987.188	



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
			đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.243.749.459.335	1.432.666.490.213
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	21	1.243.749.459.335	1.432.666.490.213
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	1.181.228.284.799	1.229.392.018.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		62.521.174.536	203.274.471.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	799.840.743.500	404.842.556.938
7. Chi phí tài chính	22	24	600.197.272.711	314.986.193.239
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		176.026.803.069	198.250.663.780
8. Chi phí bán hàng	24		-	6.016.126.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		59.639.679.821	85.417.128.537
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		202.524.965.504	201.697.579.957
11. Thu nhập khác	31	25	6.418.310.395	62.870.374.870
12. Chi phí khác	32	26	2.237.004.002	35.482.243.678
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.181.306.393	27.388.131.192
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		206.706.271.897	229.085.711.149
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.824.038.867	31.083.698.401
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		203.882.233.030	198.002.012.748
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	680	1.070



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng